

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST.  
Ngày 02-7-2020.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Đức;

Ông Lê Đình Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 719/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975; có mặt.

Cư trú tại: Khu phố GL, phường GT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Võ Văn C, sinh năm 1969; vắng mặt.

Cư trú tại: Khu phố GL, phường GT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh C tự chung sống với nhau vào năm 2008, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện Trảng Bàng (nay là phường GT, thị xã Trảng Bàng). Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng nhà gia đình anh C tại ấp GL, xã GT, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố GL, phường GT, thị xã Trảng Bàng). Vợ, chồng cùng làm công nhân, kinh tế độc lập với gia

đình. Vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vào năm 2017, nguyên nhân là do anh C không quan tâm, lo lắng cho cuộc sống gia đình, ghen tuông vô cớ và thường xuyên đi uống rượu về mắng chửi chị. Ngoài ra, giữa chị và mẹ ruột của anh C cũng có nhiều mâu thuẫn khác. Tháng 9-2018, chị dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng đã tự ly thân đến nay, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn hạnh phúc.

Vào khoảng tháng 01-2019, chị có nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh C nhưng do anh C hứa hẹn sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn khởi kiện thì anh C vẫn không thay đổi, không quan tâm đến vợ, con, vợ chồng không thể chung sống lại với nhau. Do đó, nay chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Võ Hiếu N, sinh ngày 04-7-2009 và cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 15-10-2014. Hiện tại cháu N đang sống cùng với anh C, cháu H đang sống cùng chị, hai cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị đồng ý giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn C trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Tuy nhiên, vợ chồng anh chỉ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9-2018, nguyên nhân là do chị D có nhiều mâu thuẫn với mẹ của anh. Khi anh đi uống rượu về, thấy chị D và mẹ anh gây gổ nhau và chị D giận dữ muốn bỏ đi nên trong lúc nóng giận, anh có đuổi chị D đi. Do đó, chị D bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống và vợ chồng đã ly thân đến nay. Từ khi ly thân, anh và mẹ anh có gặp chị D để khuyên chị D quay về nhưng chị D vẫn không đồng ý đoàn tụ, chung sống lại với anh. Hiện tại, anh không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng chị D vì các con của anh và chị D vẫn còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Võ Hiếu N, sinh ngày 04-7-2009 và cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 15-10-2014. Hiện tại cháu N đang sống cùng anh, cháu H đang sống cùng chị D. Nếu Tòa án xét xử cho vợ chồng anh ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Võ Văn C. Chị D được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao anh C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Hiếu N, sinh ngày 04-7-2009.

Giao chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Hoàng H, sinh ngày 15-10-2014.

Ghi nhận anh C, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường GT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa chị D và gia đình anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng giữa vợ, chồng chị D và anh C không thể hiểu và thông cảm cho nhau, mất lòng tin đối với nhau nên cuộc sống gia đình rơi vào trạng thái căng thẳng, nặng nề, thường xuyên gây gổ nhau. Tháng 9-2018, chị D dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng đã tự ly thân đến nay. Khi ly thân, chị D đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C nhưng vợ, chồng anh chị đã tự hòa giải nên chị D đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng chị

D, anh C vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ, chung sống lại với nhau nên chị D tiếp tục khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ cùng chị D vì anh cho rằng các con của anh, chị vẫn còn nhỏ tuổi. Hiện tại anh C cũng không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị D vẫn không đồng ý đoàn tụ cùng anh C. Tại phiên tòa, chị D xác định đã không còn tình cảm với anh C và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh C. Như vậy, cho thấy đời sống hôn nhân của anh C, chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị D và anh C đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C, cho chị D được ly hôn anh C là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị D, anh C có hai người con chung là cháu Võ Hiếu N, sinh ngày 04-7-2009 và cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 15-10-2014. Hiện tại, cháu N đang sống cùng anh C, cháu H đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và đồng ý giao anh C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu N có nguyện vọng theo sống cùng anh C, đồng thời, anh C cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao anh C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và giao chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị D, anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Võ Văn C.

Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Võ Văn C.

**2. Về con chung:** Giao chị Nguyễn Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 15-10-2014.

Giao anh Võ Văn C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Hiếu N, sinh ngày 04-7-2009.

Ghi nhận chị D, anh C không yêu cầu anh C, chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:**

Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

**4. Án phí:**

Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017720 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Báo cho chị D biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Võ Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường GT;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Thư**